

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí

Ngày	30,650 VNĐ		
30/09/2025			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-8.8%	26.7%	37.1%

DT thuần	Q3/25
5,484	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 768 16.3%	
YoY: ▼169 -3.0%	

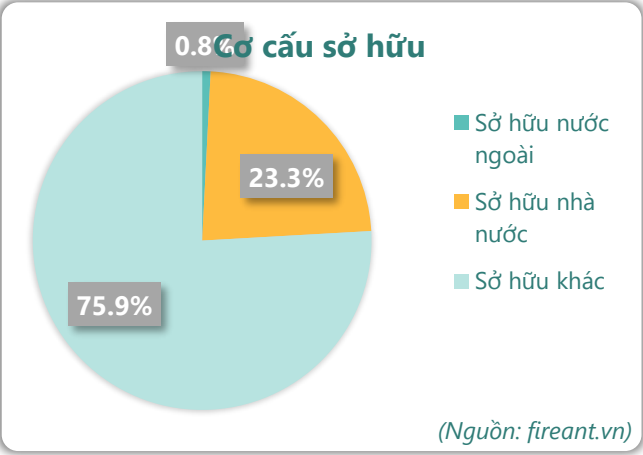
LN thuần	Q3/25
181	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 109 151%	
YoY: ▲ 97.6 117%	

LN sau thuế	Q3/25
145	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 87.4 152%	
YoY: ▲ 70.5 94.8%	

Tỷ suất lãi EBIT	Q3/25
5.2%	
YoY: +/-▲ 2.6%	

ROE (TTM)	Q3/25
10.1%	
YoY: +/-▲ 2.0%	

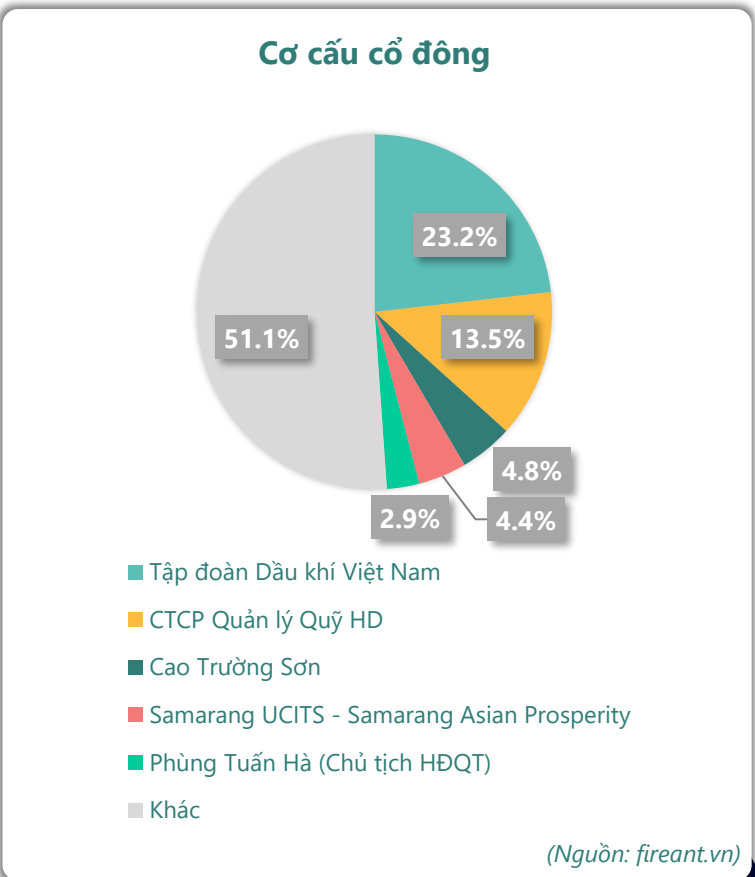
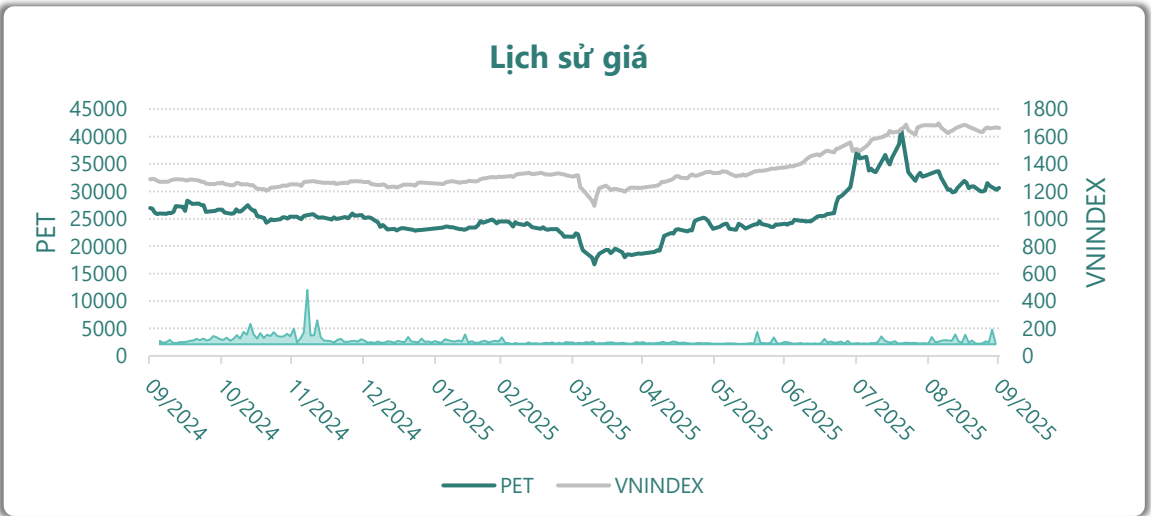
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	16,700 - 41,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,271
Số lượng CPLH (CP)	106,722,131
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,613,005
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	1.05
EPS	2,312
P/E	13.3



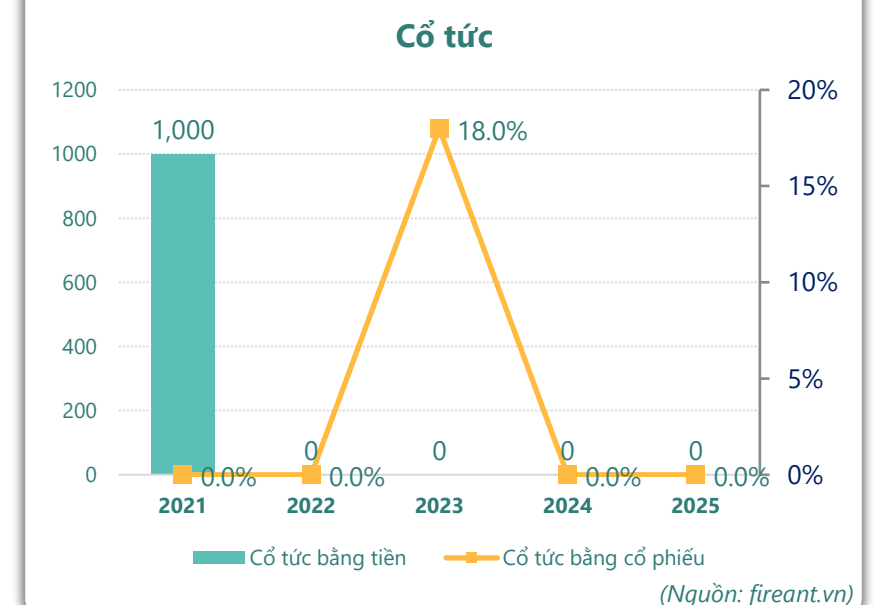
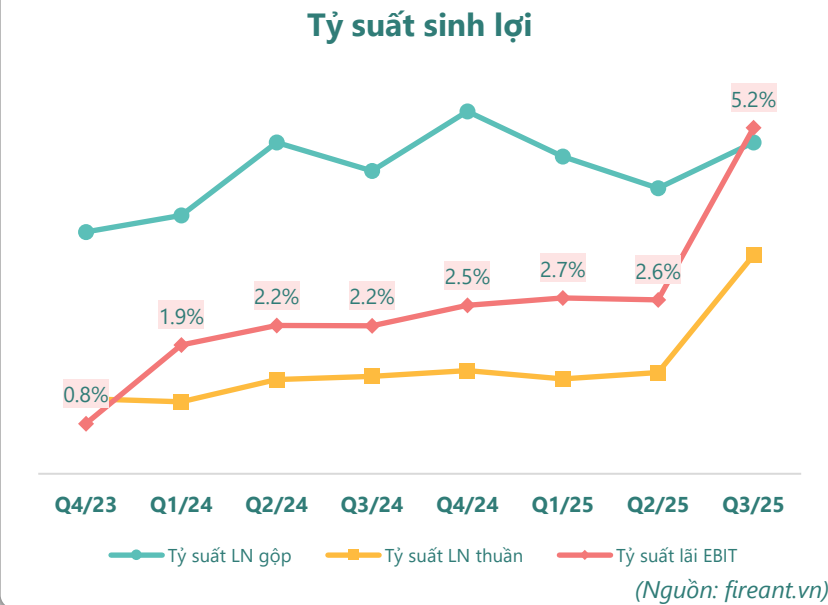
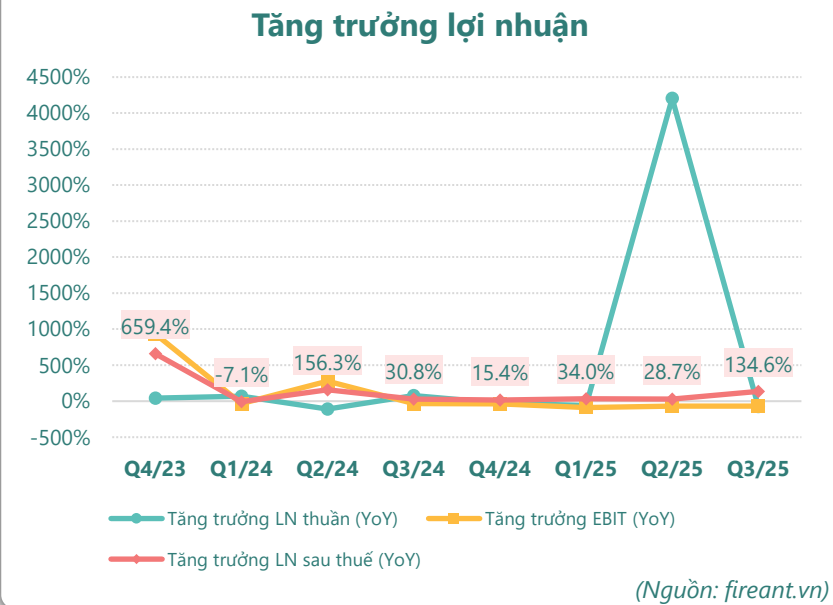
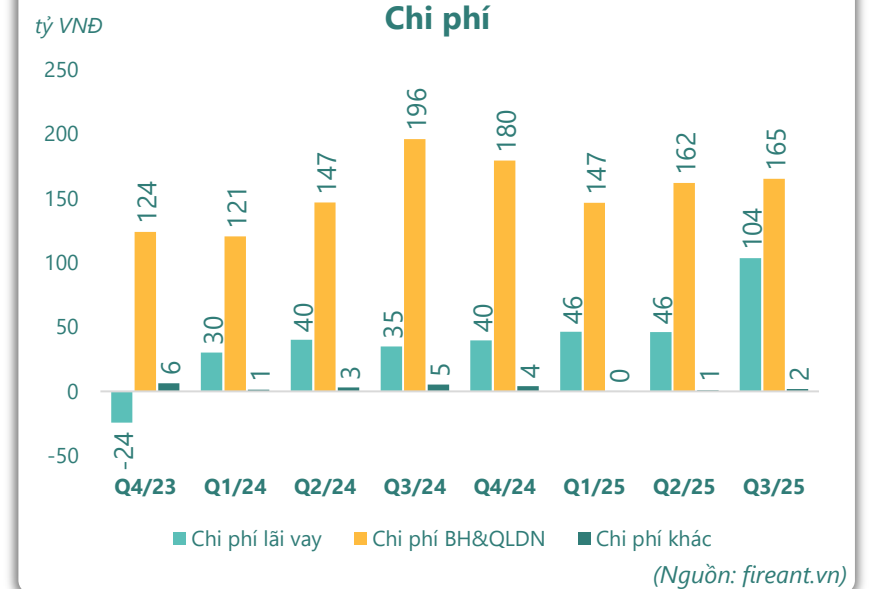
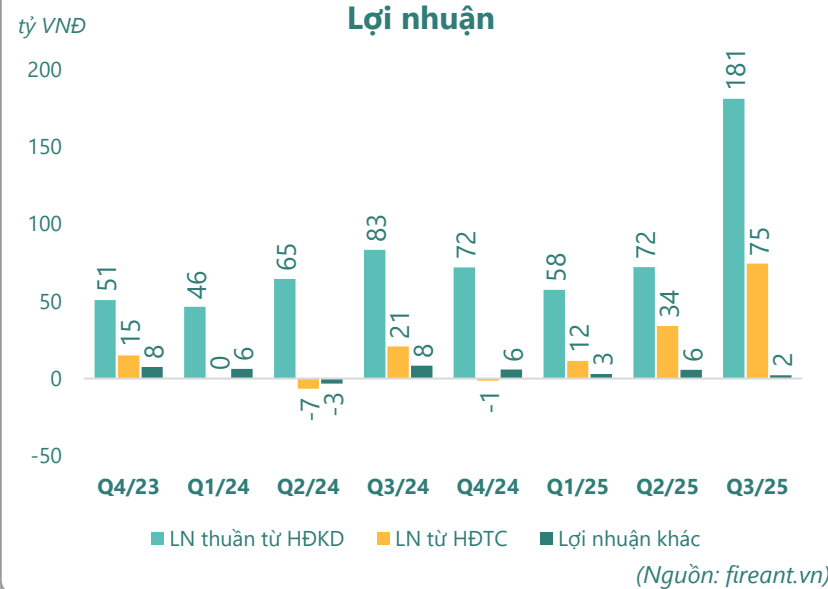
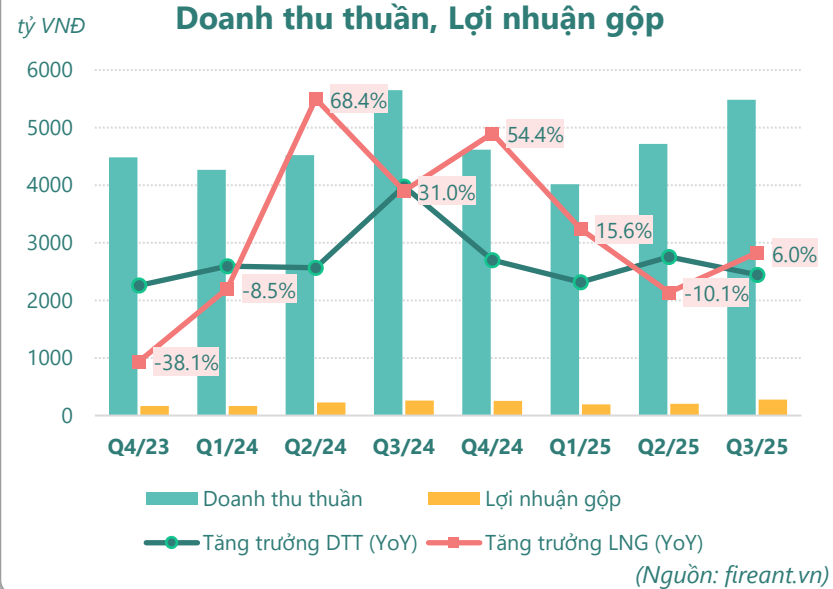
DT thuần	9T 2025
14,216	tỷ VNĐ
YoY: ▼228 -1.6%	

LN thuần	9T 2025
311	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 117 60.0%	

LN sau thuế	9T 2025
248	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 89.0 56.1%	



KẾT QUẢ KINH DOANH

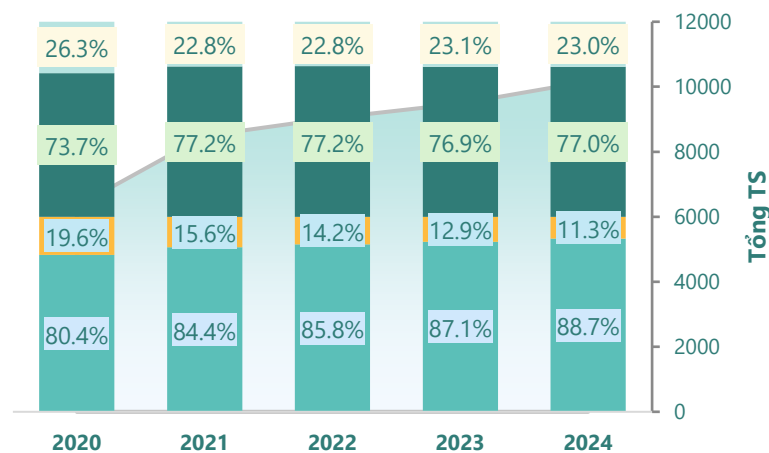




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

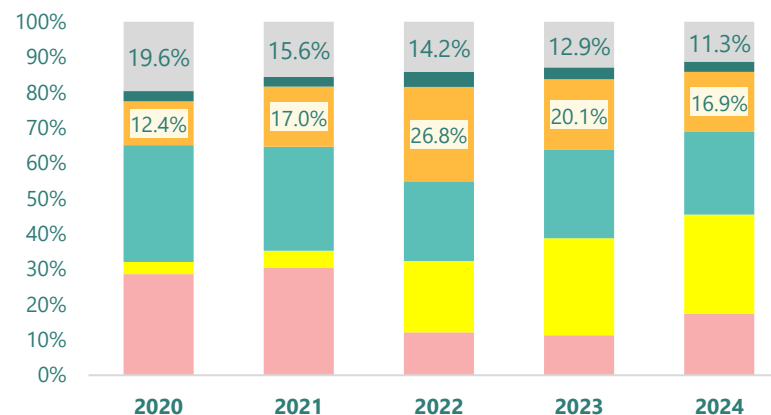
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

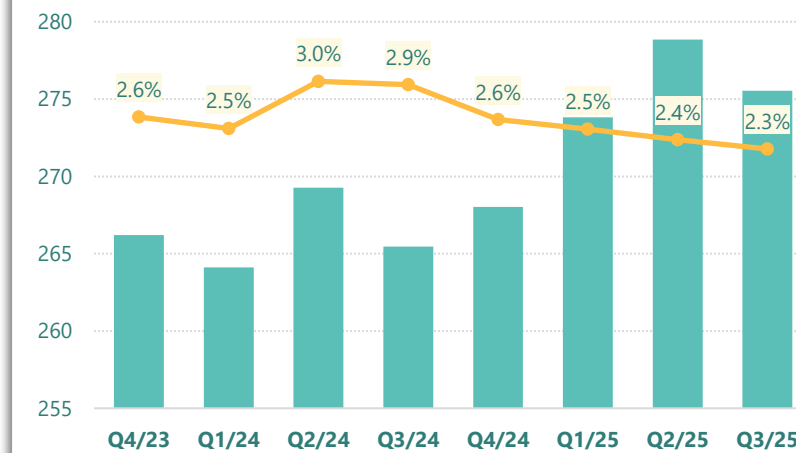


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

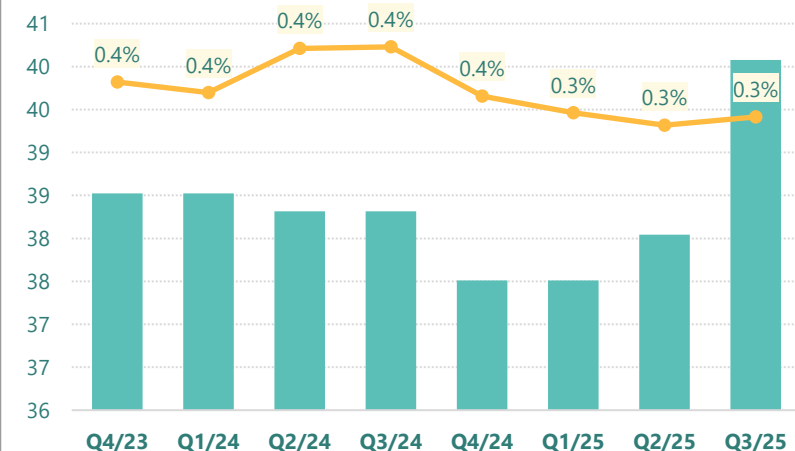


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

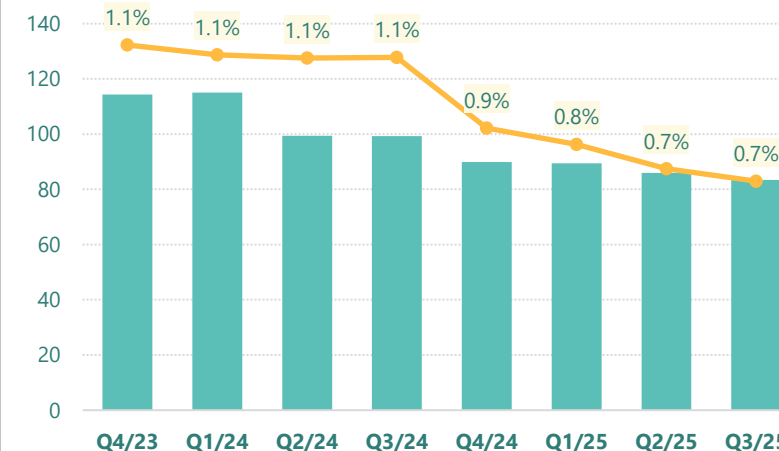


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

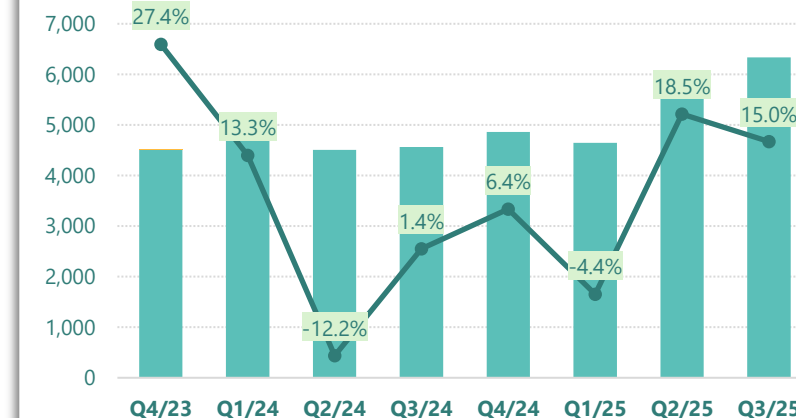


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

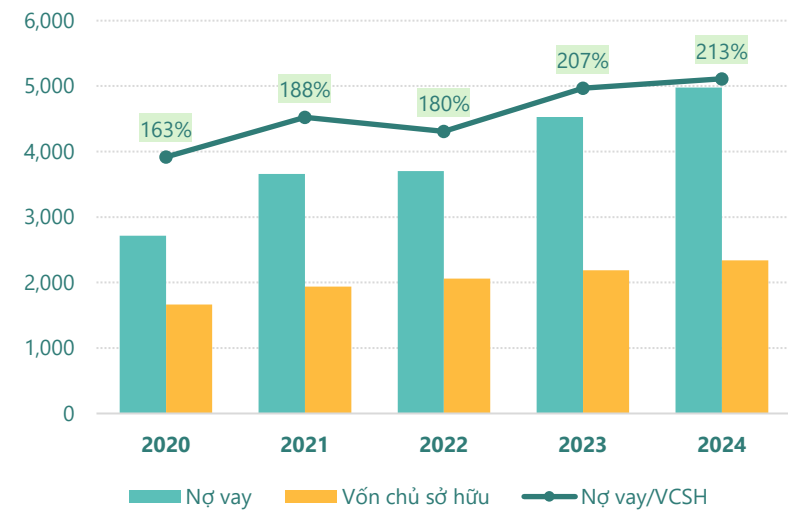
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

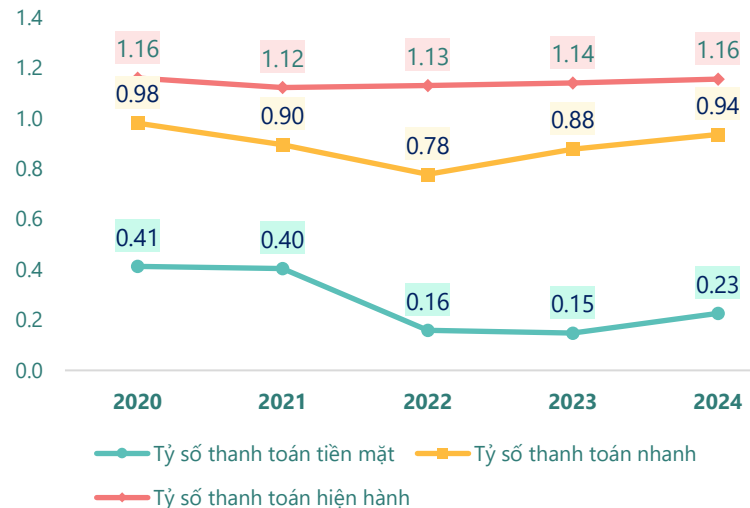
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



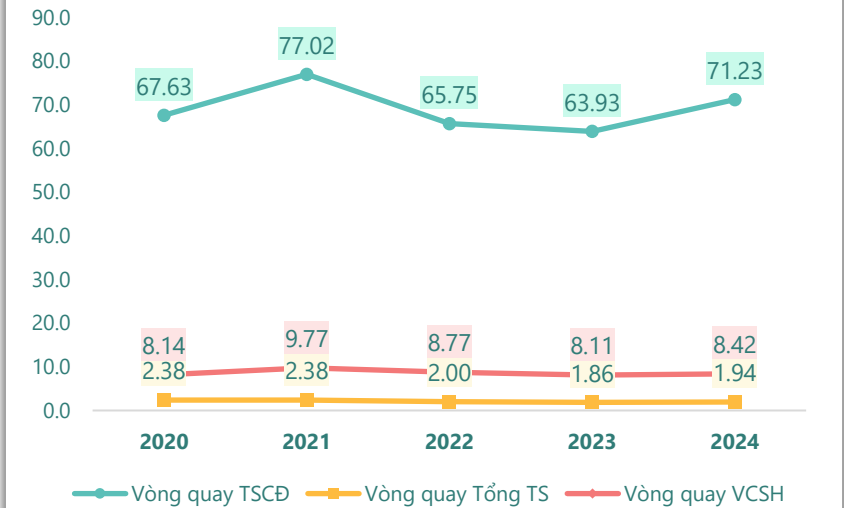
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



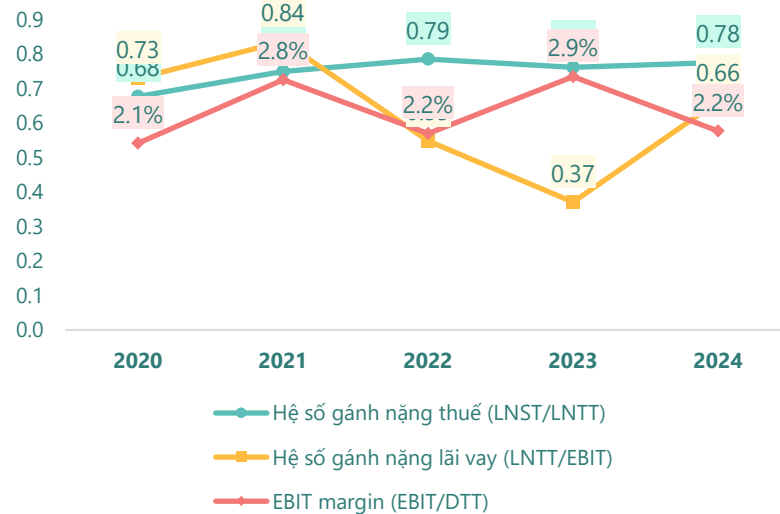
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



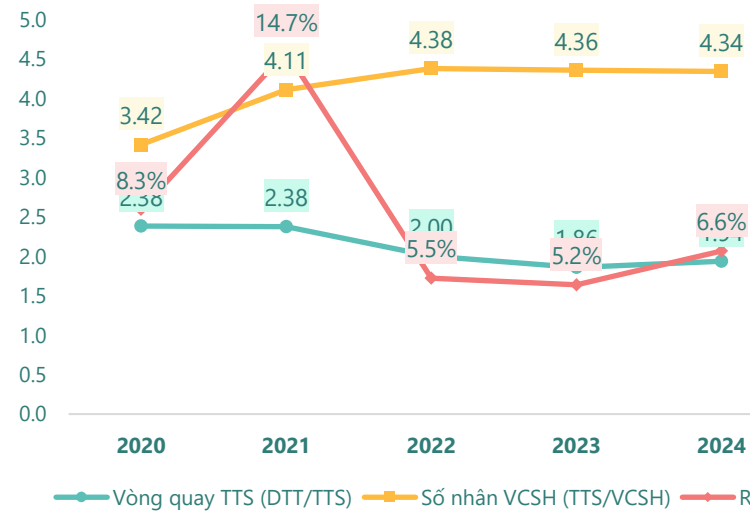
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



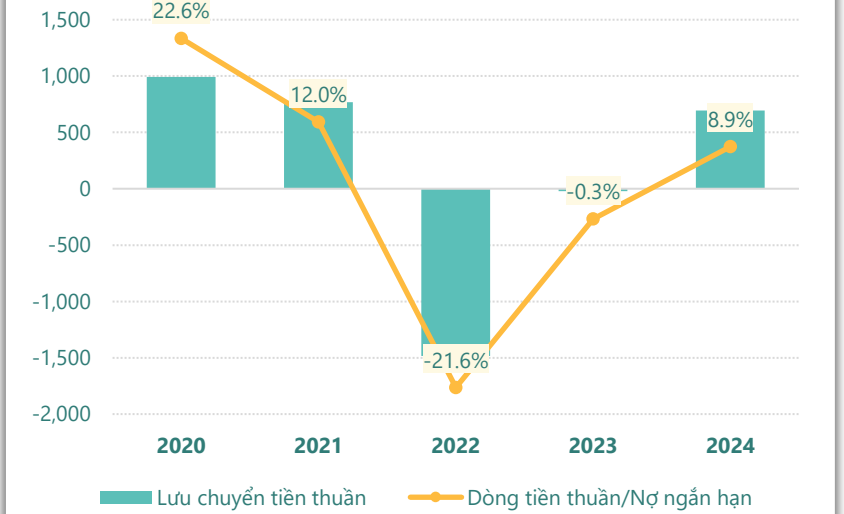
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Đồng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	5,484	5,653	-3.0%	14,216	14,444	-1.6%
Giá vốn hàng bán	5,209	5,394	-3.4%	13,545	13,792	-1.8%
Lợi nhuận gộp	275	259	6.1%	671	652	2.9%
Doanh thu HĐTC	153	60.5	152%	326	138	137%
Chi phí TC	78.1	39.8	96.3%	206	123	66.8%
Chi phí lãi vay	104	34.9	197%	196	105	86.2%
LN trong công ty LKLD	-2.50	0.00		-5.91	-8.33	29.1%
Chi phí bán hàng	128	138	-7.2%	320	318	0.8%
Chi phí QLDN	37.4	58.7	-36.2%	154	146	5.4%
LN thuần từ HĐKD	181	83.4	117%	311	194	60.0%
Lợi nhuận khác	2.08	8.29	-74.9%	10.7	11.4	-5.9%
LN trước thuế	183	91.7	100%	322	206	56.4%
Lợi nhuận sau thuế	145	74.5	94.8%	248	159	56.1%
LNST của CĐ cty mẹ	105	47.9	120%	187	113	65.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	93.7	45.4	1,067	602	-855	-1,070
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	510	-91.3	-822	-892	162	-88.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-648	68.8	294	-345	868	807
Tiền đầu kỳ	948	905	928	1,766	1,131	1,307
Lưu chuyển tiền thuần	-43.8	22.9	538	-635	175	-352
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	905	928	1,466	1,131	1,307	955

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	11,735	10,165	15.4%
Tài sản ngắn hạn	10,627	9,021	17.8%
Tiền và tương đương tiền	955	1,766	-46.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4,061	2,856	42.2%
Phải thu ngắn hạn	3,909	2,387	63.8%
Hàng tồn kho	1,418	1,718	-17.5%
Tài sản ngắn hạn khác	285	294	-3.1%
Tài sản dài hạn	1,108	1,144	-3.2%
Phải thu dài hạn	36.0	29.4	22.3%
Tài sản cố định	276	269	2.6%
Bất động sản đầu tư	484	514	-5.8%
Tài sản dở dang	40.1	37.5	6.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	83.4	89.8	-7.1%
Tài sản dài hạn khác	189	205	-7.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	9,158	7,827	17.0%
Nợ ngắn hạn	9,111	7,800	16.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6,337	4,980	27.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,689	2,220	-23.9%
Nợ dài hạn	47.1	27.1	73.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,576	2,338	10.2%
Vốn chủ sở hữu	2,576	2,338	10.2%
Vốn điều lệ	1,073	1,073	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

